

**PHƯƠNG ÁN  
CHÀO BÁN CỔ PHẦN CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU ĐỂ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ**

**I. Giới thiệu về tổ chức chào bán**

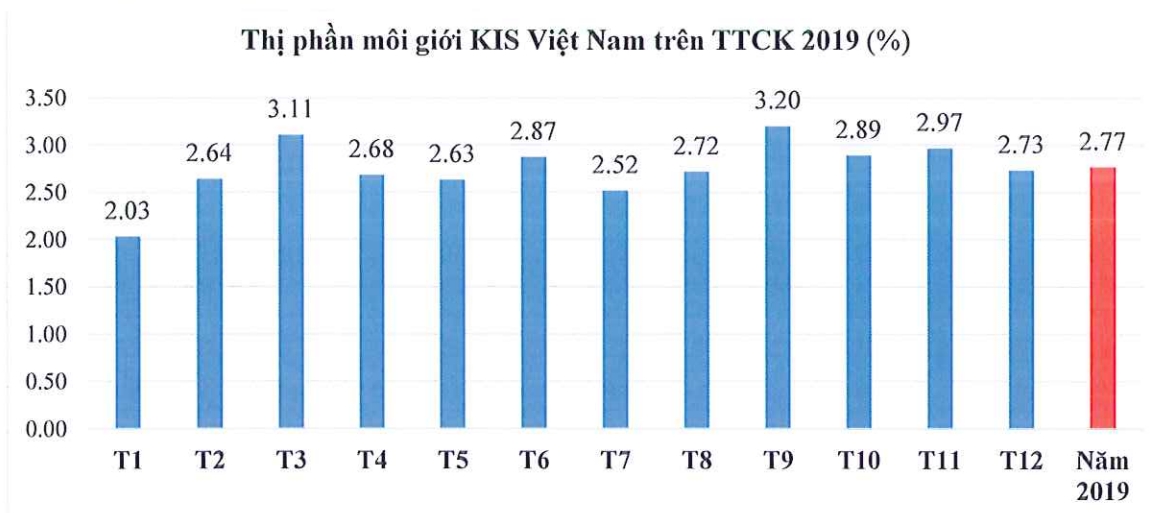
**1. Giới thiệu chung**

- Tên gọi: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM**
- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam
- Tên tiếng Anh: KIS Viet Nam Securities Corporation
- Tên giao dịch: KIS
- Trụ sở chính: Tầng 3, Tòa nhà TNR, số 180-192 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
- Chi nhánh: Tầng 6, Tòa nhà CTM, số 299 Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, TP. HN
- Điện thoại: (84-28) 3914-8585 Fax: (84-28) 3821-6898
- Website: www.kisvn.vn
- Giấy phép thành lập và hoạt động số: 56/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 07 năm 2007
- Vốn điều lệ hiện tại: 1,897,011,000,000 đồng
- Ngành nghề đăng ký kinh doanh:
  - + Môi giới chứng khoán
  - + Tự doanh chứng khoán
  - + Bảo lãnh phát hành chứng khoán
  - + Tư vấn đầu tư chứng khoán
  - + Lưu ký chứng khoán
  - + Tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác được pháp luật cho phép.

**2. Tình hình hoạt động kinh doanh:**

**2.1 Dịch vụ Môi giới:**

Thị phần môi giới



## 2.2 Kết quả hoạt động kinh doanh:

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2017	2018	2019
1	Tổng giá trị tài sản	2,404,731	2,662,740	3,556,956
2	Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	204,160	298,762	408,313
3	Chi phí hoạt động kinh doanh	142,406	130,705	161,586
4	Lợi nhuận /(lỗ) gộp của hoạt động kinh doanh	61,754	168,058	246,726
5	Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động tài chính	1,672	(9,823)	4,380
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	56,656	70,911	86,953
7	Lợi nhuận /(lỗ) thuần của hoạt động kinh doanh	6,770	87,324	164,154
8	Lợi nhuận /(lỗ) khác	507	15	128
9	Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	7,277	87,339	164,282
10	Lợi nhuận sau thuế TNDN	2,402	69,181	130,081
11	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	0
12	Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân năm (cổ phiếu)	111,276,600	189,701,100	189,701,100
13	Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND)	22	447	686

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017, 2018 và số liệu báo cáo trước kiểm toán năm 2019

## 3. Tình hình hoạt động tài chính:

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam. Công ty áp dụng theo Hệ thống chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC (“Thông tư 210”) ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC (“Thông tư 334”) ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

### 3.1 Trích khấu hao TSCĐ

- Tài sản cố định được phân ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.
- Nguyên giá TSCĐ bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào hoạt động như dự kiến.
- Khấu hao TSCĐ được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Quyết định số 206/2003/QĐ/BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính và Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013, cụ thể:

Nhóm TSCĐ	Thời gian khấu hao (năm)
Máy móc thiết bị	3-10
Phương tiện vận tải	10
Tài sản cố định khác	8
Tài sản vô hình	4-5

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018

### 3.2 Chế độ tiền lương

- Mức lương bình quân của nhân viên Công ty tại thời điểm 31/12/2019 là 11,033,772 đồng/người/tháng. Công ty thực hiện đầy đủ các quy định về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và chế độ thưởng, phụ cấp cho nhân viên.

### 3.3 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

- Công ty luôn thanh toán công nợ đúng với thời hạn thỏa thuận với khách hàng. Vào thời điểm 31/12/2019, Công ty không có bất kỳ khoản nợ quá hạn nào.

### 3.4 Các khoản phải nộp theo luật định

- Công ty thực hiện nghiêm chỉnh việc kê khai và kịp thời nộp các khoản thuế, các nghĩa vụ tài chính khác đối với Nhà nước đang áp dụng cho Công ty theo quy định.

### 3.5 Trích lập các quỹ theo luật định

- Việc trích lập các quỹ của Công ty hàng năm được căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi, Điều lệ của công ty và do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước.

### 3.6 Tình hình công nợ

#### a) Các khoản phải trả

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2017	2018	2019
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>1,291,694</b>	<b>696,277</b>	<b>1,460,413</b>
1	Vay ngắn hạn	1,106,701	490,100	1,161,000
2	Trái phiếu phát hành ngắn hạn	0	0	100,000
3	Phải trả người bán	0	1,641	6,927
4	Người mua trả tiền trước	82	135	44
5	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3,411	6,826	12,412
6	Phải trả CNV	0	5,684	2,163
7	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	189	40	212
8	Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	0		0
9	Chi phí phải trả	9,767	6,002	30,009
10	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	171,507	185,839	147,633
11	Phải trả phải nộp khác	38	11	14
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1,291,694</b>	<b>696,277</b>	<b>1,460,413</b>

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017, 2018 và số liệu báo cáo trước kiểm toán năm 2019

#### b) Các khoản phải thu

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2017	2018	2019
1	Phải thu khách hàng	19,712	8,791	12,227



2	Trả trước cho người bán	560	1,042	1,223
3	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	6,345	14,347	17,738
4	Các khoản phải thu khác	207	164	160
5	Dự phòng phải thu khó đòi	0	0	0
<b>Tổng cộng</b>		<b>26,824</b>	<b>24,344</b>	<b>31,348</b>

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017, 2018 và số liệu báo cáo trước kiểm toán năm 2019

### 3.7 Danh mục đầu tư tài chính và tiền tại thời điểm 31/12/2019 theo số liệu trước kiểm toán

Chỉ tiêu	Giá trị (1000 đồng)	Tỷ lệ (%)
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	680,909,051	91.6%
Cổ phiếu chưa niêm yết	48,001,620	6.5%
Cổ phiếu niêm yết	14,478,692	1.9%
<b>Tổng cộng</b>	<b>743,389,363</b>	<b>100%</b>

Nguồn: số liệu báo cáo trước kiểm toán năm 2019

### 3.8 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	2017	2018	2019
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
▪ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1.83	3.74	2.39
▪ Hệ số thanh toán nhanh	1.83	3.74	2.39
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
▪ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0.54	0.26	0.41
▪ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	1.16	0.35	0.70
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
▪ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.08	0.11	0.11
▪ Vòng quay hàng tồn kho	n/a	n/a	n/a
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi</b>			
▪ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	0.01	0.23	0.32
▪ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.003	0.04	0.06
▪ Hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản	0.0011	0.03	0.04
▪ Hệ số lợi nhuận HĐKD/doanh thu thuần	0.3	0.56	0.60

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017, 2018 và số liệu báo cáo trước kiểm toán năm 2019

## 4. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

### 4.1 Những nhân tố khó khăn

- Kinh tế thế giới đang trên đà suy giảm trong bối cảnh thương mại toàn cầu chịu nhiều ảnh hưởng. Các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, EU đều suy giảm tốc độ tăng trưởng. Diễn biến thị

trường cũng chịu tác động bởi những vấn đề bất ổn trên thế giới đang gia tăng như diễn biến căng thẳng cuộc chiến tranh thương mại của Mỹ và Trung Quốc, tình hình quân sự tại các quốc gia Trung Đông và tình hình dịch bệnh, thiên tai. Đây là những yếu tố tác động mang tính gián tiếp, có thể gây ra những đợt rút vốn ngắn hạn của khối ngoại do lo ngại về tình hình kinh tế chung cũng như nhu cầu cân bằng rủi ro cho danh mục tổng thể.

- Mặc dù vậy, năm 2019 chứng kiến xu hướng nói lỏng chính sách tiền tệ của các Ngân hàng Trung ương, nổi bật là FED với 3 lần hạ lãi suất tạo nên tác động tích cực đến dòng vốn vào các thị trường cận biên và mới nổi. Từ đó, giảm đáng kể khả năng rút vốn từ các thị trường này.

#### 4.2 Những nhân tố thuận lợi

- Thứ nhất, công tác cổ phần hóa DNNN gắn với niềm yết đăng ký giao dịch trên TTCK tiếp tục được đẩy mạnh, đặc biệt quyết tâm cổ phần hóa, thoái vốn những DN quy mô lớn, kinh doanh hiệu quả... sẽ giúp tạo ra nguồn cung hàng hóa có chất lượng cao cho TTCK, mở rộng quy mô thị trường, cải thiện thanh khoản.
- Thứ hai, TTCK phát sinh sau hơn 2 năm hoạt động đã từng bước triển khai sản phẩm liên kết đầu tư, giúp đa dạng hoá các sản phẩm chứng khoán, thể hiện tốt vai trò của công cụ phòng ngừa rủi ro, thu hút sự tham gia của các nhà đầu tư và góp phần tích cực vào việc giữ chân dòng vốn trên thị trường cơ sở.
- Thứ ba, Quốc Hội đã thông qua Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 có hiệu lực từ 2021 nhằm góp phần hoàn thiện môi trường thể chế cũng như phát triển ổn định, bền vững TTCK, nâng cao chất lượng hàng hóa, tăng cường giám sát, tăng cường tính minh bạch cho thị trường, từ đó củng cố niềm tin của nhà đầu tư đối với thị trường và thu hút dòng vốn nước ngoài.
- Thứ tư, thị trường Việt Nam tiếp tục được xếp vào danh sách theo dõi theo dõi nâng hạng lên thị trường mới nổi thứ cấp. Đây là động thái tích cực ghi nhận những nỗ lực phát triển của cơ quan quản lý. Bên cạnh đó, UBCK đang hoàn thiện dự thảo Đề án Nâng hạng TTCK Việt Nam để triển khai các giải pháp nhằm đạt mục tiêu nâng hạng thị trường. Điều này giúp nâng cao uy tín và hình ảnh của thị trường tài chính Việt Nam, từ đó thu hút đáng kể các dòng vốn nước ngoài vào TTCK.

#### 5. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành:

- Trong năm 2019, tổng giá trị giao dịch trên 2 sở giao dịch chứng khoán (HoSE/HNX/Upcom) đạt 67 nghìn tỷ đồng.
- Năm công ty lớn nhất đều có thị phần ở mức trên 4.5%, lần lượt là SSI, HSC, Bản Việt (VCSC), VNDirect và MBS. KIS Việt Nam ghi nhận thị phần ở mức 2.77%.

#### 6. Kế hoạch hoạt động kinh doanh 02 năm tiếp theo:

Kế hoạch phát triển thị phần môi giới:

Năm	2020F	2021F
Giá trị giao dịch thị trường (Đơn vị: Nghìn tỷ đồng)	4,589	5,227
Giá trị giao dịch KIS VN (Đơn vị: Tỷ đồng)	183,560	239,919
Thị phần	4.00%	4.59%

\* Kế hoạch đề xuất chưa được HĐQT thông qua

## II. Thực hiện chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu

### 1. Cơ sở pháp lý:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2005 và Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24/11/2010;

- Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;
- Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 bổ sung sửa đổi một số điều trong Nghị định 58/2012/NĐ-CP;
- Thông tư hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số: 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài Chính và Thông tư số 07/2016/TT-BTC sửa đổi một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 hướng dẫn về việc thành lập và hoạt động công ty chứng khoán.
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam.

## 2. Mục đích phát hành thêm cổ phiếu:

- Tăng vốn điều lệ đảm bảo vốn pháp định theo quy định để bổ sung ngành nghề kinh doanh, tăng năng lực tài chính qua đó giúp tăng cường uy tín, hình ảnh và khả năng cạnh tranh của KIS trên thị trường.

## 3. Thông tin Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu:

- Tên cổ phiếu: Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá: 10,000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 189,701,100 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: 70,189,407 cổ phần
- Tỷ lệ chào bán: 100:37 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu tại ngày đăng ký cuối cùng sẽ được 01 quyền mua thêm 37 cổ phiếu)
- Nguyên tắc làm tròn: Cổ phiếu phát hành thêm mà cổ đông được quyền mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

Ví dụ: Tại ngày đăng ký cuối cùng, cổ đông A sở hữu 130 cổ phiếu. Số cổ phiếu mà cổ đông A được mua thêm tính theo tỷ lệ chào bán là  $130 \times 37\% = 48.1$  cổ phiếu. Sau khi làm tròn, số cổ phiếu, cổ đông A được mua thêm là 48 cổ phiếu.

- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu cổ đông từ chối mua: Số lượng cổ phiếu lẻ và cổ phiếu cổ đông từ chối mua phát sinh từ đợt chào bán sẽ bị hủy bỏ.
- Chuyển nhượng quyền mua: Cổ đông không được chuyển nhượng lại quyền mua, quyền mua cổ phần hết hiệu lực tại ngày đến hạn thanh toán.
- Thời hạn phân phối dự kiến: trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận cho KIS được chào bán cổ phần.
- Giá chào bán dự kiến:
  - Giá chào bán cao nhất: 10,000 đồng/cổ phiếu
  - Giá chào bán thấp nhất: 10,000 đồng/cổ phiếu
- Phương pháp tính giá: Giá chào bán bằng mệnh giá cổ phiếu.
- Tổng khối lượng vốn huy động dự kiến: 701,894,070,000 VND (Bảy trăm lẻ một tỷ tám trăm chín mươi bốn triệu không trăm bảy mươi ngàn đồng)
- Tỷ lệ số cổ phiếu đăng ký chào bán thêm trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành:
 
$$(70,189,407 / 189,701,100 \text{ cp}) = 37\%$$
- Mục đích của đợt chào bán: Nguồn tiền vốn dự kiến thu được sẽ sử dụng bổ sung vào vốn hoạt động kinh doanh của công ty, phục vụ cho việc mở rộng các nghiệp vụ kinh doanh.

- Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phần được phát hành trong đợt chào bán này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành việc chào bán.

\* **Tổng khối lượng vốn huy động dự kiến có thể thay đổi tùy theo sự điều chỉnh của HĐQT căn cứ vào tình hình thực tế huy động.**

#### 4. Tiêu chí lựa chọn và đối tượng chào bán:

Tiêu chí lựa chọn đối tượng cho đợt chào bán này là các cá nhân, tổ chức đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Nhà đầu tư cá nhân và tổ chức trong và ngoài nước là cổ đông hiện hữu tại Công ty cổ phần chứng khoán KIS Việt Nam.
- Số lượng nhà đầu tư chào bán: dưới 100 nhà đầu tư (Dựa theo danh sách cổ đông của Công ty cổ phần chứng khoán KIS Việt Nam chốt ngày 19/02/2020).

Ngoài ra, nhà đầu tư tham gia mua cổ phần của đợt chào bán này phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Các nhà đầu tư và KIS không phải là các công ty con của cùng một công ty mẹ và KIS không phải là công ty mẹ của các nhà đầu tư (theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP sửa đổi bổ sung Điều 4 Nghị định 58/2012/NĐ-CP).
- Các cổ đông sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ của KIS và người liên quan của cổ đông (nếu có) không được sở hữu trên 5% vốn điều lệ tại một công ty chứng khoán khác (theo quy định tại Khoản 7 Điều 71 Nghị định 58/2012/NĐ-CP).

Nhà đầu tư tham gia mua cổ phần của đợt chào bán này sẽ hỗ trợ cung cấp hồ sơ chứng minh năng lực tài chính thông qua các hình thức sau:

- Đối với cổ đông là cá nhân: Xác nhận của ngân hàng về số dư tiền đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi có trong tài khoản của cổ đông tại ngân hàng.
- Đối với cổ đông là tổ chức: Báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán/ soát xét.

#### 5. Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán:

- Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành dự kiến 701,894,070,000 VND (bằng chữ: Bảy trăm lẻ một tỷ tám trăm chín mươi bốn triệu không trăm bảy mươi ngàn đồng).
- Nguồn tiền vốn dự kiến thu được sẽ sử dụng bổ sung vào vốn hoạt động kinh doanh của công ty, phục vụ cho việc mở rộng các nghiệp vụ kinh doanh.

#### 6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài:

- Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tuân thủ theo Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán; Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 bổ sung sửa đổi cho Nghị định 58/2012/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

### III. Nội dung ủy quyền cho HĐQT:

Kiến nghị Đại Hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT thực hiện:

- Thay đổi một số nội dung của Phương án chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ trong các trường hợp mà quy định hiện hành và Điều lệ của KIS không yêu cầu phải có sự chấp thuận của Đại hội. Trường hợp Hội đồng quản trị phải thay đổi, bổ sung bất kỳ nội dung nào của Phương án, Hội đồng quản trị phải báo cáo cổ đông về các thay đổi này trong kỳ họp gần nhất.
- Tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện phương án chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ gồm có chuẩn bị, sửa đổi, bổ sung và trình nộp các hồ sơ hợp lệ đến UBCKNN và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác để chấp thuận hồ sơ chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu và hồ sơ tăng vốn điều lệ.

- Lựa chọn nhà đầu tư mua cổ phần theo các tiêu chí nêu tại Phương án chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu đã được Đại hội thông qua và tuân thủ các quy định hiện hành.
- Tổng hợp tài liệu chứng minh năng lực tài chính của cổ đông khi tham gia mua cổ phần trong đợt phát hành này để báo cáo UBCKNN.
- Chuẩn bị và trình nộp các tài liệu bổ sung trong trường hợp UBCKNN và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu nộp thêm các tài liệu bổ sung liên quan đến hồ sơ chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu và hồ sơ tăng vốn điều lệ.
- Báo cáo kết quả chào bán cổ phần đến UBCKNN và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất các thủ tục sau khi chào bán.
- Thực hiện các thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ và sửa đổi giấy phép thành lập và hoạt động, sửa đổi Điều lệ của KIS về phần vốn điều lệ sau khi hoàn thành đợt chào bán cổ phần.
- Quyết định các công việc, thủ tục cần thiết khác để hoàn thành kế hoạch chào bán cổ phần và tăng vốn điều lệ tuân thủ quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ của KIS.

#### IV. Lịch trình công tác phát hành dự kiến:

Giai đoạn công việc	Dự kiến thời gian (ngày)
1. Lấy ý kiến Đại hội cổ đông bất thường bằng văn bản thông qua phương án phát hành	D
2. Nộp hồ sơ đăng ký chào bán cho UBCKNN	D + 30
3. Nhận chấp thuận của UBCKNN	D + 45
4. Thông báo nộp tiền mua cổ phiếu cho cổ đông/ nhà đầu tư	D + 46
5. Cổ đông/nhà đầu tư nộp tiền mua cổ phiếu theo đăng ký	D + 51
6. Xác nhận Ngân hàng về số tiền bán cổ phiếu thu được tại tài khoản phong tỏa	D + 52
7. Tổng hợp báo cáo kết quả đợt phát hành với UBCKNN; thực hiện đăng ký tăng vốn điều lệ, thay đổi giấy phép kinh doanh với UBCKNN	D + 53
8. Phát hành cổ phiếu (ghi nhận sở hữu cổ phiếu) cho nhà đầu tư theo kết quả nộp tiền	D + 56

Phương án này đã được HĐQT thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT;
- BGD. BKS;
- Lưu.

